

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thông tin về Công ty

Giấy phép Hoạt động	98/UBCK-GP	Ngày 18 tháng 9 năm 2008
Kinh doanh	10/UBCK-GP	Ngày 27 tháng 1 năm 2011
Chứng khoán số	95/UBCK-GP	Ngày 18 tháng 6 năm 2012
	12/UBCK-GP	Ngày 27 tháng 3 năm 2013
	48/UBCK-GP	Ngày 31 tháng 10 năm 2013

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng thành viên	Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch HĐQT
----------------------------	----------------------	---------------

Ban Kiểm soát	Bà Đinh Thị Thu Nga	Trưởng Ban
----------------------	---------------------	------------

Ban Giám đốc	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Quyền Giám đốc
---------------------	------------------------	----------------

Trụ sở đăng ký	Tầng 4+5, Số 9 Tô Hiến Thành P. Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng Hà Nội, Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN
KỸ THƯƠNG
QUỐC HAI BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
Quyền Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2014



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi Chủ sở hữu

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2014 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 trong báo cáo kiểm toán ngày 8 tháng 8 năm 2013.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 14-02-065



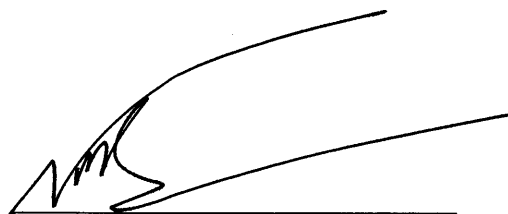
Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2014



Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1572-2013-007-1

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		788.291.717.428	505.084.754.380
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	487.333.769.457	314.397.081.530
Tiền	111		259.333.769.457	150.397.081.530
Các khoản tương đương tiền	112		228.000.000.000	164.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	241.399.444.951	161.497.011.904
Đầu tư ngắn hạn	121		246.689.943.323	162.924.504.781
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.290.498.372)	(1.427.492.877)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	56.158.257.760	29.046.157.664
Trả trước cho người bán	132		219.144.090	250.209.825
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		29.540.693	10.000.000
Các khoản phải thu khác	138		55.909.572.977	28.785.947.839
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.400.245.260	144.503.282
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		222.883.628	43.373.010
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	54.219.627	-
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước	154	11	3.019.743.910	62.675.727
Tài sản ngắn hạn khác	158		103.398.095	38.454.545
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		2.023.084.605	1.862.468.500
II. Tài sản cố định	220		875.536.986	1.160.977.704
Tài sản cố định hữu hình	221	8	444.509.622	603.278.676
Nguyên giá	222		1.885.591.549	1.935.289.480
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.441.081.927)	(1.332.010.804)
Tài sản cố định vô hình	227	9	431.027.364	557.699.028
Nguyên giá	228		1.526.710.000	1.526.710.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.095.682.636)	(969.010.972)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.147.547.619	701.490.796
Chi phí trả trước dài hạn	261		932.011.813	485.954.990
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	10	180.315.466	180.315.466
Tài sản dài hạn khác	268		35.220.340	35.220.340
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		790.314.802.033	506.947.222.880

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B01a - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		220.609.287.037	2.203.137.493
I. Nợ ngắn hạn	310		220.609.287.037	2.203.137.493
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	346.332.452	229.188.330
Phải trả người lao động	315		1.310.850	338.000.000
Người mua trả tiền trước	316		2.119.506	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	12	214.620.141.312	629.333.338
Các khoản phải trả, phải nộp khác	323		5.639.382.917	1.006.615.825
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		569.705.514.996	504.744.085.387
I. Vốn chủ sở hữu	410		569.705.514.996	504.744.085.387
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	300.000.000.000	300.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	417		11.605.708.303	11.605.708.303
Quỹ dự phòng tài chính	418		11.605.708.303	11.605.708.303
Lợi nhuận chưa phân phối	420		246.494.098.390	181.532.668.781
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		790.314.802.033	506.947.222.880

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
6. Chứng khoán lưu ký	006	311.537.188	104.988.734
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	59.086.260	68.306.088
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	177.890	48.160.888
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	58.908.370	20.145.200
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	252.450.928	36.682.646
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	232.305.728	36.682.646
6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	20.145.200	-
7. Chứng khoán lưu ký của công ty đại chúng chưa niêm yết	050	104.940.838	24.896.420
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	24.896.420	24.896.420
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	24.896.420	24.896.420
7.3 Chứng khoán cầm cố	061	80.044.418	-
7.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	062	80.044.418	-

Người lập



Trần Bảo Anh
Kế toán

Người soát xét



Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hiền
Quyển Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2014

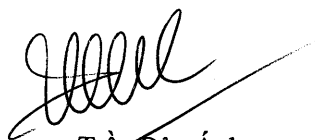
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B02a - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 (phân loại lại) VND
Doanh thu	01		258.417.736.335	98.010.215.297
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.553.963.480	455.148.194
Doanh thu hoạt động ứng trước			288.526	-
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01.2		23.107.404.405	14.208.280.968
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		227.436.444.257	77.360.635.002
Doanh thu hoạt động lưu ký/phong tỏa tài khoản	01.6		654.754.388	95.028.714
Doanh thu khác	01.9	14	5.664.881.279	5.891.122.419
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		258.417.736.335	98.010.215.297
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	15	(166.799.548.211)	6.769.143.002
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		91.618.188.124	104.779.358.299
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16	(8.855.421.959)	(3.487.006.188)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.762.766.165	101.292.352.111
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82.762.766.165	101.292.352.111
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	(17.801.336.556)	(24.465.074.390)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		64.961.429.609	76.827.277.721

Người lập



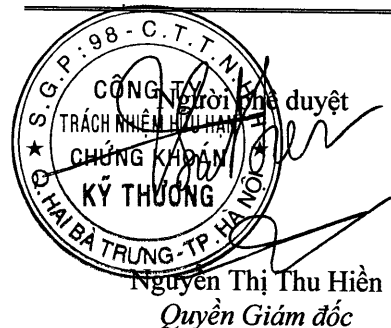
Trần Bảo Ánh
Kế toán

Người soát xét



Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Thu Hiền
Quyền Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B03a - CTCK

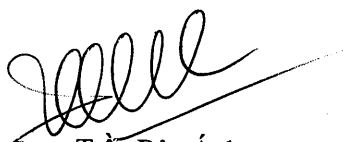
	Mã số	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	82.762.766.165	101.292.352.111
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	285.440.718	295.799.052
Trích lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng	03	3.863.005.495	(11.526.720.809)
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	31.946.386.614	(3.432.054.550)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	118.857.598.992	86.629.375.804
Tăng/(giảm) các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(27.112.100.096)	146.912.611.569
Tăng chứng khoán thương mại		(83.765.438.542)	(92.363.306.190)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	218.623.575.066	54.495.826.144
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(179.510.618)	23.114.496
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.752.922.449)	(11.191.758.027)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	19.414.323.911	14.487.500
Tiền chi khác cho các hoạt động kinh doanh	16	(53.996.438.337)	(82.491.769)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	171.089.087.927	184.437.859.527
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	1.847.600.000	1.260.162.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.847.600.000	1.260.162.400

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ****cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo) Mẫu B03a - CTCK**

	Mã số	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30)	50	172.936.687.927	185.698.021.927
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	314.397.081.530	177.265.996.604
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60) (Thuyết minh 5)	70	487.333.769.457	362.964.018.531

Người lập

Trần Bảo Ánh
Kế toán

Người soát xét

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thu Hiền
Quyền Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B05a - CTCK

Giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30/6/2014

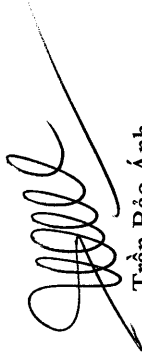
Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	300.000.000.000	11.605.708.303	11.605.708.303	181.532.668.781
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	64.961.429.609
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	300.000.000.000	11.605.708.303	11.605.708.303	246.494.098.390

Giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30/6/2013

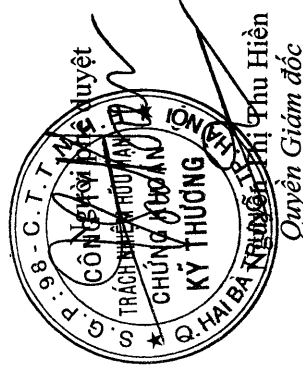
Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	300.000.000.000	6.610.213.209	6.610.213.209	91.613.757.083
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	76.827.277.721
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	300.000.000.000	6.610.213.209	6.610.213.209	168.441.034.804

Người lập

Người soát xét


Trần Bảo Anh
Kế toán


Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng



Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B09a - CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 Công ty có 23 nhân viên (31/12/2013: 14 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại

Công ty phân loại chứng khoán được mua cho mục đích tự doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“OTC”) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán trên cơ sở tham khảo giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ Đồng.

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn chưa niêm yết nhưng không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Công ty. Công ty xác định giá trị của khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét nguyên giá, điều kiện của thị trường, tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và dòng tiền dự kiến của tổ chức phát hành.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như đề cập trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”).

Theo Thông tư 228, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Thiết bị văn phòng

3 – 7 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 6 năm.

(g) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(h) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý và ngầm định mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(i) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(ii) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(iii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

(k) Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân bổ lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(m) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(iii) Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu bao gồm thu nhập tiền lãi từ các tài khoản tiền gửi ngân hàng. Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

(n) Các công ty liên quan

Các bên liên quan bao gồm các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này. Các bên liên quan cũng bao gồm các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty.

(o) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(p) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014		Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch VND	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch VND
Của Công ty Cổ phiếu	9.644.370	243.309.763.000	-	-
Của nhà đầu tư/ Khách hàng Cổ phiếu	40.248.568	1.017.694.618.000	13.045.900	294.921.024.000
	49.892.938	1.261.004.381.000	13.045.900	294.921.024.000

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	259.333.769.457	150.397.081.530
▪ <i>Của Công ty</i>	44.713.628.145	149.767.748.192
▪ <i>Giữ hộ nhà đầu tư</i>	214.620.141.312	629.333.338
Các khoản tương đương tiền (i)	228.000.000.000	164.000.000.000
	487.333.769.457	314.397.081.530

- (i) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng Đồng Việt Nam. Lãi suất được hưởng là 5,6%/năm (31/12/2013: từ 6,8% đến 7%/năm).

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	246.689.943.323	162.924.504.781
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	(5.290.498.372)	(1.427.492.877)
	241.399.444.951	161.497.011.904

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

(i) Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn do Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 1 tháng 1 năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		So với giá thị trường		(Giảm)		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/6/2014 Cổ phiếu	1/1/2014 Cổ phiếu	30/6/2014 VND	1/1/2014 VND	30/6/2014 VND	1/1/2014 VND	1/1/2014 VND	30/6/2014 VND	1/1/2014 VND	30/6/2014 VND	1/1/2014 VND	
Chứng khoán kinh doanh												
16.944.123	13.488.452	246.689.943.323	162.924.504.781	2.656.427.053	3.296.583.096	(5.290.498.372)	(1.427.492.877)	244.055.872.004	164.793.595.000			
Nắm bởi chính Công ty												
Cổ phiếu niêm yết	177.890	-	10.515.347.000	-	-	(97.673.000)	-	10.417.674.000	-			
TRA	70.000	-	5.459.230.000	-	-	(69.230.000)	-	5.390.000.000	-			
FPT	107.890	-	5.056.117.000	-	-	(28.443.000)	-	5.027.674.000	-			
Nắm bởi Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương theo hợp đồng ủy thác đầu tư												
Cổ phiếu niêm yết	4.108.520	1.426.370	133.427.596.323	60.177.504.781	2.656.427.053	(5.192.825.372)	(1.427.492.877)	130.891.198.004	62.046.595.000			
HCM	600.000	664.900	20.103.160.070	13.436.239.843	1.376.839.930	-	-	21.480.000.000	16.290.050.000			
VNM	80.000	180.000	9.939.840.000	25.270.440.000	-	(179.840.000)	(970.440.000)	9.760.000.000	24.300.000.000			
VSC	-	81.580	-	4.060.033.860	-	-	-	-	4.323.740.000			
BMP	38.740	81.000	2.717.223.600	5.635.974.451	-	(5.423.600)	-	2.711.800.000	5.670.000.000			
TRA	254.440	20.000	21.593.917.170	1.544.958.750	-	(2.002.037.170)	-	19.591.880.000	1.690.000.000			
HVG	-	398.890	-	10.229.857.877	-	-	(457.052.877)	-	9.772.805.000			
CSM	114.650	-	4.635.697.891	-	156.672.109	-	-	4.792.370.000	-			
FPT	330.000	-	15.393.402.355	-	-	(15.402.351)	-	15.378.000.004	-			
HSG	20.000	-	899.339.088	-	-	(19.339.088)	-	880.000.000	-			
KBC	1.353.490	-	14.664.961.380	-	494.126.620	-	-	15.159.088.000	-			
DPM	632.200	-	20.631.119.880	-	-	(211.059.880)	-	20.420.060.000	-			
DHG	70.000	-	9.351.240.383	-	-	(2.491.240.383)	-	6.860.000.000	-			
PVS	300.000	-	8.146.260.000	-	613.740.000	-	-	8.760.000.000	-			
VSH	305.000	-	5.026.482.900	-	-	(268.482.900)	-	4.758.000.000	-			
GMD	10.000	-	324.951.606	-	15.048.394	-	-	340.000.000	-			

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		So với giá thị trường		(Giảm)		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/6/2014	1/1/2014	30/6/2014	1/1/2014	30/6/2014	1/1/2014	30/6/2014	1/1/2014	30/6/2014	1/1/2014	30/6/2014	1/1/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)												
	12.657.713	12.062.082	102.747.000.000	102.747.000.000	-	-	-	-	-	-	102.747.000.000	102.747.000.000
VPB	6.547.713	5.952.082	52.097.000.000	52.097.000.000	-	-	-	-	-	-	52.097.000.000	52.097.000.000
MSB	6.110.000	6.110.000	50.650.000.000	50.650.000.000	-	-	-	-	-	-	50.650.000.000	50.650.000.000

(*) Những khoản đầu tư không xác định được giá trị thị trường, được trình bày theo giá trị ghi sổ kế toán.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

(ii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Năm kết thúc 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.427.492.877	16.910.449.667
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ/năm (Thuyết minh 15)	3.863.005.495	(15.482.956.790)
Số dư cuối kỳ/năm	5.290.498.372	1.427.492.877

7. Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trả trước cho người bán	219.144.090	250.209.825
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	29.540.693	10.000.000
Các khoản phải thu khác	55.909.572.977	28.785.947.839
<i>Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi</i>	<i>673.866.669</i>	<i>1.766.205.556</i>
<i>Phải thu từ ủy thác đầu tư</i>	<i>54.962.635.407</i>	<i>478.776.183</i>
<i>Phải thu tiền đặt cọc thuê nhà</i>	<i>205.966.100</i>	<i>205.966.100</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>67.104.801</i>	<i>26.335.000.000</i>
	56.158.257.760	29.046.157.664

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

8. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng	
	Giai đoạn	Năm kết thúc
	từ 1/1/2014	31/12/2013
	đến 30/6/2014	
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ/năm	1.935.289.480	2.282.317.404
Tăng trong kỳ/năm	-	56.422.727
Phân loại lại	(49.697.931)	(403.450.651)
Số dư cuối kỳ/năm	1.885.591.549	1.935.289.480
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ/năm	1.332.010.804	1.223.753.203
Khấu hao trong kỳ/năm	158.769.054	317.538.108
Phân loại lại	(49.697.931)	(209.280.507)
Số dư cuối kỳ/năm	1.441.081.927	1.332.010.804
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ/năm	603.278.676	1.058.564.201
Số dư cuối kỳ/năm	444.509.622	603.278.676

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có tài sản với nguyên giá 46.942.149 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 49.697.931 VND).

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Giai đoạn	Năm kết thúc
	từ 1/1/2014	31/12/2013
	đến 30/6/2014	
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ/năm	1.526.710.000	1.340.860.000
Tăng trong kỳ/năm	-	185.850.000
Số dư cuối kỳ/năm	1.526.710.000	1.526.710.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ/năm	969.010.972	684.642.635
Khấu hao trong kỳ/năm	126.671.664	284.368.337
Số dư cuối kỳ/năm	1.095.682.636	969.010.972
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ/năm	557.699.028	656.217.365
Số dư cuối kỳ/năm	431.027.364	557.699.028

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 248.000.000 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 248.000.000 VND).

10. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo các Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải thu		
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	(54.219.627)	-
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước	(3.019.743.910)	(62.675.726)
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>(5.482.290)</i>	<i>-</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>(3.014.261.620)</i>	<i>(62.675.727)</i>
Các khoản phải trả		
Thuế thu nhập cá nhân	346.332.452	229.188.330

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Số dư tại 1/1/2014 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số dư tại 30/6/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	22.623.944.385	(22.678.164.012)	(54.219.627)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(62.675.727)	17.801.336.556	(20.752.922.449)	(3.014.261.620)
Thuế thu nhập cá nhân	229.188.330	589.193.904	(472.049.782)	346.332.452
<i>Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên</i>	<i>229.100.000</i>	<i>537.203.000</i>	<i>(470.209.000)</i>	<i>296.094.000</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư</i>	<i>88.330</i>	<i>51.990.904</i>	<i>(1.840.782)</i>	<i>50.238.452</i>

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Số dư tại 1/1/2013 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số dư tại 31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	(52.406.865)	10.721.153.531	(10.668.746.666)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.173.245.244	32.097.613.744	(38.333.534.715)	(62.675.727)
Thuế thu nhập cá nhân	33.175.015	339.759.364	(143.746.049)	229.188.330
<i>Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên</i>	<i>25.274.000</i>	<i>323.127.000</i>	<i>(119.301.000)</i>	<i>229.100.000</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư</i>	<i>7.901.015</i>	<i>16.632.364</i>	<i>(24.445.049)</i>	<i>88.330</i>

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán	214.620.141.312	629.333.338

13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	Được duyệt		Đã góp	
	%	VND	%	VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	100%	300.000.000.000	100%	300.000.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

14. Doanh thu khác

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND (Phân loại lại)
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.876.800.723	5.829.738.228
Thu khác	788.080.556	61.384.191
	5.664.881.279	5.891.122.419

15. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	104.889.562.054	906.581.271
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	53.217.191.020	2.747.551.118
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng hoạt động đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 6)	3.863.005.495	(11.526.720.809)
Chi phí khấu hao và phân bổ	126.671.664	137.029.998
Chi phí đường truyền	243.250.546	368.894.914
Chi phí bảo trì phần mềm	350.000	46.119.501
Chi phí quản lý danh mục đầu tư	4.316.517.434	511.401.004
Phí thành viên với Sở giao dịch chứng khoán	142.999.998	40.000.001
	166.799.548.211	(6.769.143.002)

16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lương và các chi phí liên quan	5.284.761.816	1.319.190.000
Chi phí khấu hao và phân bổ	158.769.054	158.769.054
Chi phí thuê văn phòng	1.327.041.042	1.307.134.574
Chi phí dịch vụ ngoài	779.177.581	188.852.473
Công cụ và dụng cụ	306.722.810	160.607.610
Thuế và lệ phí	616.593.785	287.182.901
Chi phí khác	382.355.871	65.269.576
	8.855.421.959	3.487.006.188

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

17. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ báo cáo hiện tại	17.801.336.556	24.465.074.390

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	82.762.766.165	101.292.352.111
Thuế theo thuế suất của Công ty	18.207.808.556	25.323.088.028
Thu nhập không chịu thuế	(406.472.000)	(858.013.638)
	17.801.336.556	24.465.074.390

(c) Thuế suất áp dụng

Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 25%). Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

18. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Số dư	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (<i>Ngân hàng mẹ</i>)		
- Tiền gửi có kỳ hạn	228.000.000.000	164.000.000.000
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	673.866.669	1.766.205.556
- Tiền gửi thanh toán	2.807.363.238	148.997.272.604
- Tiền gửi của nhà đầu tư	642.510.414	126.833.160
Phải trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		
- Các khoản phải trả khác	-	483.183.439
- Phí lưu ký chứng khoán	149.861.699	-
- Phí thuê văn phòng	1.435.896.000	-
- Phí thu chi hộ	150.882.462	-
- Phí lưu ký chứng khoán	15.057.777	-
Phải thu từ Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương (<i>công ty con của Ngân hàng mẹ</i>)		
Danh mục ủy thác đầu tư bằng tiền	54.962.635.407	478.776.183
Danh mục ủy thác đầu tư bằng tài sản	246.689.943.323	162.924.504.781
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương		
Phí chuyển tiền	-	346.500
Phí quản lý danh mục	3.117.911.992	349.754.199
Phí lưu ký	-	8.230.591
Tiền gửi tự doanh	50.615.307	-
Giao dịch	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (<i>Ngân hàng mẹ</i>)		
- Thu nhập lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.311.611.114	4.623.455.556
- Thu nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	158.061.932	624.738.477
- Chi phí thuê văn phòng	1.305.360.000	-
Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương (<i>Công ty con của Ngân hàng mẹ</i>)		
- Phí quản lý danh mục đầu tư	4.316.517.434	511.401.004

19. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác của một công cụ tài chính không thực hiện đúng các nghĩa vụ ghi trên hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi, phải thu khách hàng của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		30/6/2014	31/12/2013
		VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	487.333.769.457	314.397.081.530
Các khoản phải thu ngắn hạn	(iii)	56.158.257.760	29.046.157.664
Tài sản ngắn hạn khác		103.398.095	38.454.545
Tài sản dài hạn khác		35.220.340	35.220.340
		543.630.645.652	343.516.914.079

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản dài hạn khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Công ty cố gắng chọn lọc những khách hàng lịch sử tín dụng tốt và yêu cầu tài sản đảm bảo cần thiết. Ban quản lý rủi ro của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán cho khách hàng đó.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty không có các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác bị quá hạn.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm các khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	214.620.141.312	214.620.141.312	214.620.141.312
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.639.382.917	5.639.382.917	5.639.382.917
	220.259.524.229	220.259.524.229	220.259.524.229

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	629.333.338	629.333.338	629.333.338
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.006.615.825	1.006.615.825	1.006.615.825
	1.635.949.163	1.635.949.163	1.635.949.163

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, rủi ro tiền tệ của Công ty là không trọng yếu vì Công ty không có các trạng thái trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND, đồng tiền hạch toán của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
<i>Công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	228.000.000.000	164.000.000.000
<i>Công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</i>		
Tiền gửi ngân hàng	259.333.769.457	150.397.081.530
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(214.620.141.312)	(629.333.338)
	44.713.628.145	149.767.748.192

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 348.766.300 VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2013: 1.123.258.111 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán vốn*

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 141.308.872.004 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 62.046.595.000 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng 2% tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong kỳ/năm của Công ty sẽ tăng tương ứng 897.933.219 VND (31/12/2013: 511.092.075 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm 2% tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong kỳ/năm của Công ty sẽ giảm tương ứng 1.416.127.658 VND (31/12/2013: 570.622.913 VND).

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

(d) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	487.333.769.457	487.333.769.457	314.397.081.530	314.397.081.530
▪ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	241.399.444.951	(*)	161.497.011.904	(*)
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	138.652.444.951	141.308.872.004	58.750.011.904	62.046.595.000
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	102.747.000.000	(*)	102.747.000.000	(*)
▪ Các khoản phải thu ngắn hạn	56.158.257.760	(*)	29.046.157.664	(*)
▪ Tài sản ngắn hạn khác	103.398.095	(*)	38.454.545	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	35.220.340	(*)	35.220.340	(*)

Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ :

▪ Phải trả cho hoạt động giao dịch chứng khoán	(214.620.141.312)	(*)	(629.333.338)	(*)
▪ Các khoản phải trả khác	(5.639.382.917)	(*)	(1.006.615.825)	(*)
	564.770.566.374		503.377.976.820	

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

20. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	169.200.000	-
Trong vòng hai đến năm năm	-	176.542.380
	169.200.000	176.542.380

21. Các yếu tố theo chu kỳ

(a) Thuế

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính toán và quyết toán tại thời điểm cuối năm.

(b) Phân phối lợi nhuận

Tại ngày kết thúc kế toán giữa niên độ, Công ty không có tuyên bố phân phối lợi nhuận nào. Kế hoạch tuyên bố phân phối lợi nhuận, nếu có, sẽ được công bố trong các quý cuối của năm.

(c) Tiền thưởng

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty chưa trích trước các khoản tiền thưởng cho nhân viên. Các khoản tiền thưởng này sẽ được công bố và ghi nhận vào cuối năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTCK

22. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện tại như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 (theo báo cáo trước đây) VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 (phân loại) VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 (phân loại lại) VND
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Doanh thu hoạt động lưu ký/phong tỏa tài khoản	-	95.028.714	95.028.714
Doanh thu khác	5.986.151.133	(95.028.714)	5.891.122.419

Người lập



Trần Bảo Ánh
Kế toán

Người soát xét



Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hiền
Quyên Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2014